

Số: /BC-UBND

Kim Phượng, ngày tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
Phân tích, đánh giá kết quả công bố
Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng xã Kim Phượng năm 2024

Kính gửi: Phòng Nội vụ huyện Định Hóa

Thực hiện Quyết định số 4203/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Ủy ban nhân dân xã Kim Phượng báo cáo kết quả phân tích, đánh giá kết quả công bố Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng xã Kim Phượng năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác triển khai thực hiện

Căn cứ Quyết định số 4203/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 đối với UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thái Nguyên; Hướng dẫn số 190/HD-SNV ngày 22/11/2024 của Sở nội vụ tỉnh Thái Nguyên về xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với UBND các xã, phường thị trấn thuộc tỉnh Thái Nguyên.

UBND xã đã thành lập Hội đồng tự xác định Chỉ số CCHC xã. Kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong việc tự chấm điểm Chỉ số CCHC của xã.

2. Triển khai tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ về thực hiện xác định Chỉ số CCHC. Căn cứ hướng dẫn, UBND xã giao công chức Văn phòng – Thống kê chủ trì phối hợp với các công chức liên quan tham mưu tự đánh giá, chấm điểm, rà soát, bổ sung tài liệu minh chứng và giải trình kết quả chấm điểm chỉ số CCHC, báo cáo Phòng Nội vụ theo quy định.

II. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC XÃ KIM PHƯỢNG NĂM 2024

1. Tổng quan về Chỉ số CCHC cấp xã

Bộ tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số CCHC cấp xã được cấu trúc thành 08 lĩnh vực, thang điểm đánh giá tối đa là 100 điểm (thảm định/điểm tối đa: 7.75/100 điểm) gồm:

1.1. Công tác lãnh đạo chỉ đạo CCHC: 8,5/10 điểm.

1.2. Xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật: 4,5/7 điểm.

1.3. Cải cách thủ tục hành chính: 18,5/20 điểm.

1.4. Hoạt động của chính quyền cơ sở: 19/20 điểm.

1.5. Cải cách chế độ công vụ: 8/10 điểm.

1.6. Cải cách tài chính công: 0/5 điểm.

1.7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: 11,5/12 điểm

1.8. Thực hiện phát triển kinh tế - xã hội: 14/16 điểm

2. Đánh giá chung kết quả đạt được

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 03/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Định Hoá về phê duyệt, công bố kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính Chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của UBND cấp xã trên địa bàn huyện Định Hoá năm 2024 thì Chỉ số cải cách hành chính xã Kim Phụng năm 2024 thực hiện được 84/100 điểm, xếp hạng tốt. Về thứ hạng: xếp thứ 13/22 xã. Đối với kết quả đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với UBND cấp xã, xã Kim Phụng đạt 91,15/100 điểm, xếp thứ 4/22 xã

Kết quả này đã khẳng định được những nỗ lực lớn của cấp ủy, chính quyền xã trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác CCHC trong thời gian qua, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

3. Kết quả tự chấm Chỉ số của xã, thẩm định của Hội đồng thẩm định huyện, điểm điều tra XHH về Chỉ số CCHC của UBND xã năm 2024

(có biểu chi tiết kèm theo)

4. Kết quả chi tiết điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần (đánh giá theo nội dung và cơ quan theo dõi, phụ trách)

4.1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tổng điểm đạt được 8/10 điểm, Cụ thể:

4.1.1. Các tiêu chí đạt chuẩn

a) Các tiêu chí do đồng chí Nông Quang Hướng công chức Văn phòng – Thống kê theo dõi, phụ trách đạt chuẩn

1.1 Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC: 1,5/1,5 điểm

1.2. Báo cáo CCHC: 0,5/0,5 điểm

1.3. Kiểm tra, giám sát công tác CCHC: 0,5/0,5 điểm

1.4. HĐND cấp xã giám sát thực hiện CCHC

1.6. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy đối với khai thực hiện CCHC: 1/1 điểm

1.7. Người đứng đầu chính quyền trực tiếp phụ trách CCHC: 0,5/0,5 điểm

1.8. Các hoạt động nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (nếu có): 1/1 điểm

4.1.2. Các tiêu chí chưa đạt chuẩn

A, Các tiêu chí do đồng chí Nông Quang Hướng công chức Văn phòng – Thống kê theo dõi, phụ trách chưa đạt chuẩn

1.5. Tuyên truyền CCHC

Lý do: Không có bài viết trên Trang Thông tin điện tử CCHC hoặc Bản tin CCHC của tỉnh

1.6. Sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC

Lý do: Chưa có sáng kiến, giải pháp CCHC được công nhận phạm vi ảnh hưởng

1.9. Các hoạt động nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của địa phương

Lý do: Nội dung báo cáo phân tích còn thiếu nội dung chỉ số hài lòng

4.2. Xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật

4.2.1. Các tiêu chí đạt chuẩn

a, Các tiêu chí do đồng chí Lê Văn Giới công chức Tư pháp – Hộ tịch theo dõi, phụ trách đạt chuẩn

2.1. Ban hành văn bản của HĐND và UBND cấp xã: 0,5/0,5 điểm

2.2 Rà soát và xử lý văn bản sau rà soát: 1,5/1,5 điểm

2.3 Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

2.5 Cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: 1/1 điểm

2.6 Thực hiện công tác hòa giải ở địa phương: 1/1 điểm

4.2.2. Các tiêu chí chưa đạt chuẩn

a, Các tiêu chí do đồng chí Lê Văn Giới công chức Tư pháp – Hộ tịch theo dõi, phụ trách chưa đạt chuẩn

2.4 Thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật

Lý do: Đơn vị không thực hiện Bổ sung báo cáo TDTHPL lĩnh vực trọng tâm, liên ngành

4.3. Cải cách thủ tục hành chính

4.3.1. Các tiêu chí đạt chuẩn

3.2 Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 14,5/14,5 điểm

4.3.1. Các tiêu chí chưa đạt chuẩn

a, Các tiêu chí đồng chí Nông Quang Hướng công chức Văn phòng – Thống kê theo dõi, phụ trách chưa đạt chuẩn

3.1.2 Thực hiện rà soát TTHC

Lý do: Năm 2024 đề nghị cắt giảm 1/116TTHC =0,86%. Không đạt tỷ lệ cắt giảm 4% số quy định TTHC và chi phí tuân thủ.

3.3.2 Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC

Lý do: Không đảm bảo số hóa 100%

4.4. Hoạt động của chính quyền cơ sở

4.3.1. Các tiêu chí đạt chuẩn

a, Các tiêu chí do đồng chí Bùi Thị Hiền công chức Văn phòng – Thống kê theo dõi, phụ trách đạt chuẩn

4.1 Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐND cấp xã: 3/3 điểm

4.2 Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp xã

4.3 Thực hiện dân chủ ở cơ sở

4.5. Cải cách chế độ công vụ

4.5.1. Các tiêu chí đạt chuẩn

a, Các tiêu chí do đồng chí Bùi Thị Hiền công chức Văn phòng – Thống kê theo dõi, phụ trách đạt chuẩn

4.5.1. Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã: 0,5/0,5 điểm

4.5.5. Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp xã: 1,5/1,5 điểm

4.5.6. Đánh giá cán bộ, công chức trên cơ sở kết quả công việc: 0,5/0,5 điểm.

4.5.7. Cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: 1,5/1,5 điểm

4.5.8 Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính: 2/2 điểm

b, Các tiêu chí do đồng chí Bùi Thị Hiền công chức Văn phòng – Thống kê theo dõi, phụ trách chưa đạt chuẩn

4.5.2. Chất lượng cán bộ cấp xã: 0/1,5 điểm

Lý do: Hiện tại địa phương vẫn còn 03 cán bộ có trình độ Cao đẳng và Trung cấp

4.5.3. Chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã: 1/1,5 điểm

Lý do: Xã vẫn còn 01 cán bộ chủ chốt có trình độ Cao đẳng

4.5.4. Chất lượng của công chức cấp xã

Lý do: Tỷ lệ công chức có trình độ chuyên môn đại học chưa đạt 100%

4.6.6. Cải cách tài chính công

a, Các tiêu chí do đồng chí Lê Minh Thu công chức Tài chính – Kế toán theo dõi, phụ trách chưa đạt chuẩn

4.6.1. Ban hành Quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

Lý do: Tài liệu kiểm chứng không phù hợp

4.6.2. Thực hiện công khai, kê khai tài sản công.

Lý do: Tài liệu kiểm chứng không đủ (Biểu mẫu công khai 09a; 09b; 09c)

4.6.3. Thực hiện đúng quy định về định mức sử dụng trang thiết bị, tài sản công.

Lý do: Không đủ căn cứ để xác định được định mức sử dụng tài sản (bảng lương của xã)

4.6.4. Thực hiện công tác quản lý tài chính - ngân sách nhà nước

Lý do: Trong báo cáo đơn vị chưa khẳng định được trong năm không có sai phạm trong công tác quản lý tài chính- ngân sách nhà nước

4.7. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

4.7.1. Các tiêu chí do đồng chí Nguyễn Thị Thu Hằng công chức Văn hoá

– Xã hội theo dõi, phụ trách đạt chuẩn

4.7.1. Lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy về chuyển đổi số: 1/1 điểm

4.7.2. Thành lập bộ phận về chuyển đổi số: 0,5/0,5 điểm

4.7.3. Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số, chính quyền số: 0,5/0,5 điểm

4.7.4. Gắn phong trào thi đua , khen thưởng với công tác chuyển đổi số: 0,5/0,5 điểm

4.7.5 Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số: 0,5/0,5 điểm

4.7.7 Bố trí công chức chuyên môn phụ trách chuyển đổi số: 0,5/0,5 điểm

4.7.8 Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về chuyển đổi số tại địa phương: 0,5/0,5 điểm

4.7.9 Bố trí máy tính phục vụ công việc: 0,5/0,5 điểm

4.7.14 Trang thông tin điện tử: 1/1 điểm

4.7.2. Các tiêu chí công chức do đồng chí Nguyễn Thị Thu Hằng Văn hoá

– Thôn tin theo dõi, phụ trách chưa đạt chuẩn

4.7.6 Nhiệm vụ chuyển đổi số được phê duyệt: 0/1 điểm

Lý do: không có TLKC trong năm có phê duyệt nhiệm vụ, đề án, dự án CDS, ứng dụng CNTT

4.7.3. Các tiêu chí do đồng chí Nông Quang Hương công chức Văn phòng – Thống kê theo dõi, phụ trách chưa đạt chuẩn

4.7.10 Trao đổi văn bản điện tử: 1/1 điểm

4.7.12 Lập lịch công tác của lãnh đạo trên phần mềm QLVB&HTĐH: 0,5/0,5 điểm

4.7.13 Sử dụng chữ ký số: 1,5/1,5 điểm

4.7.16 Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: 1/1 điểm

4.7.4. Các tiêu chí do đồng chí Nông Quang Hương công chức Văn phòng – Thống kê theo dõi, phụ trách chưa đạt chuẩn

4.7.11 Tạo, lập hồ sơ công việc điện tử

Lý do: kiểm tra thực tế chưa đạt theo hướng dẫn

4.7.4.7. Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI: 0.5 điểm

Lý do: Chưa có hồ sơ qua dịch vụ bưu chính

4.7.15 Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình 0,5/0,5 điểm

Lý do: Chưa đạt tỷ lệ trên 80% đối với dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình

4.8. Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương

a, Các tiêu chí do đồng chí Bùi Thị Hiền công chức Văn phòng – Thống kê theo dõi, phụ trách đạt chuẩn

4.8.1.1. Thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được giao: 1,5/1,5 điểm

b, Các tiêu chí do đồng chí Bùi Thị Hiền công chức Văn phòng – Thống kê theo dõi, phụ trách chưa đạt chuẩn

4.8.1. Về phát triển kinh tế - xã hội: 0/1,5 điểm

Lý do: Chưa đủ căn cứ chấm điểm: Đề nghị bổ sung biểu thống kê kết quả thực hiện các chỉ tiêu TĐ lần 2: có 24/26 chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch đạt 92%

c, Các tiêu chí do đồng chí Hoàng Văn Cường BCH Quân sự xã theo dõi, phụ trách đạt chuẩn

4.8.2. Về quốc phòng và an ninh: 3/3 điểm

4.8.3. Về kết cấu hạ tầng

a, Các tiêu chí đạt chuẩn

4.8.3.1. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới (đối với UBND xã) và quản lý các hoạt động xây dựng (đối với UBND phường, thị trấn): 1/1 điểm

4.8.3.2. Hệ thống đường giao thông: 0,5/0,5 điểm

4.8.3.3. Tỷ lệ người dân dùng nước sạch theo quy định: 1/1 điểm

4.8.3.4. Hệ thống thông tin, liên lạc: 1/1 điểm

4.8.3.4. Hệ thống thông tin, liên lạc: 0,5/0,5 điểm

b, Các tiêu chí do đồng chí Nông Tuấn Lực cán bộ phụ trách giao thông theo dõi, phụ trách chưa đạt chuẩn

4.8.3.2.2. Đường trục thôn, đường ngõ: 0,25/5 điểm

Lý do: Tỷ lệ đường trục xóm và đường liên xóm: Được cứng hóa và bảo trì hàng năm hiện bê tông hoá 31,09/31,09km đạt 100 %. Đề nghị xã xây dựng báo cáo theo đúng nội dung

4.8.3.2.3. Hệ thống chiếu sáng đường giao thông

Lý do: 14/14 xóm đã lắp đường điện chiếu sáng tại các khu dân cư trung tâm xóm, đường trục xóm, đường ngõ xóm tổng chiều dài 7,1 km và lắp đặt trên 475 bóng chiếu sáng các loại đạt 100%. Đề nghị xã xây dựng báo cáo theo đúng nội dung

4.8.4. Về giáo dục, y tế và văn hóa - xã hội

a. Các tiêu chí đạt chuẩn do Hiệu trưởng các trường phụ trách

4.8.4.1. Cơ sở vật chất trường học và thu các khoản đóng góp tự nguyện trong trường học: 0,5/0,5 điểm

B, Các tiêu chí do Trạm Y tế phụ trách đạt chuẩn:

4.8.4.2. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 1,5 điểm

4.8.4.3. Khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân: 1,5 điểm

C, Các tiêu chí do đồng chí Nông Thị Trang công chức Văn hóa – Xã hội phụ trách đạt chuẩn

4.8.4.4. Thực hiện chế độ, chính sách người có công với Cách mạng, chính sách trợ giúp xã hội: 0,5/ 0,5 điểm

D, Các tiêu chí do đồng chí Hoàng Hồng Huế công chức Địa chính - NN phụ trách đạt chuẩn

E, Các tiêu chí do đồng chí Lê Thị Hồng Hiên công chức Địa chính - XD phụ trách đạt chuẩn

4.8.5.2. Quản lý sử dụng đất và công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn: 0,5/0,5 điểm

III. CHỈ SỐ HÀI LÒNG

1. Các tiêu chí đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước

Đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước được đánh giá qua 05 tiêu chí chính và 01 tiêu chí gợi ý cải tiến chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính.

- a) Tiếp cận thủ tục hành chính (TTHC).
- b) Quy định về TTHC (nội dung TTHC).
- c) Sự phục vụ của công chức giải quyết TTHC.
- d) Kết quả giải quyết công việc.
- đ) Giải quyết phản ánh, kiến nghị.
- e) Các đề xuất về cải tiến, nâng cao chất lượng giải quyết TTHC.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của các tiêu chí

Bộ câu hỏi thuộc các tiêu chí đo lường mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2024 bao gồm 3 nhóm:

Nhóm thứ nhất, trực tiếp đo lường mức độ hài lòng gồm 6 câu hỏi về mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức. Trong đó có 1 câu hỏi trực tiếp đo lường mức độ hài lòng về toàn bộ quá trình cung cấp dịch vụ và 5 câu hỏi trực tiếp đo lường mức độ hài lòng tương ứng với 5 yếu tố của dịch vụ.

Nhóm thứ hai, đánh giá chất lượng dịch vụ gồm các câu hỏi đánh giá về chất lượng cung cấp TTHC của các cơ quan hành chính trên địa bàn, những câu hỏi này không trực tiếp đo lường mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân nhưng lại cung cấp những thông tin đặc biệt quan trọng cho việc phân tích, đánh giá và xem xét toàn bộ quá trình phục vụ của cơ quan hành chính đối với cá nhân, tổ chức nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công.

Nhóm thứ ba về cải tiến cung cấp dịch vụ hành chính công gồm các câu hỏi mở, gồm các đề xuất, kiến nghị, chủ yếu mang tính thu thập thông tin, giúp cho việc phân tích, đánh giá, nắm bắt được những yêu cầu, nguyện vọng của cá nhân, tổ chức góp phần nâng cao chất lượng phục vụ.

3. Kết quả Chỉ số hài lòng, chỉ số thành phần xã Kim Phụng

Năm 2024, kết quả chỉ số hài lòng đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính xã Kim Phụng đạt 91,81 đứng thứ 4 toàn huyện. Kết quả chỉ số thành phần và chỉ số theo lĩnh vực cụ thể như sau:

Chỉ số hài lòng năm 2024 của xã Kim Phụng có nhiều lĩnh vực đạt kết quả đạt 100% hài lòng, bên cạnh đó còn một vài tiêu chí ở xã chỉ số hài lòng chưa đạt 100% đảm bảo theo quy định;

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với UBND huyện

- Thống nhất giữa các thành viên Hội đồng thẩm định chỉ số CCHC cấp đề được đồng bộ, thẩm định chính xác, còn tồn tại như đã nói ở trên.
- Đề nghị các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện bám sát các tiêu chí chấm CCHC để theo dõi, hướng dẫn chấm điểm theo từng ngành riêng từ trong năm.

2. Cán bộ, công chức xã, Ủy ban MTTQ xã

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo bộ phận chuyên môn bám sát các nhiệm vụ trọng tâm theo ngành dọc, rà soát, tham mưu các tiêu chí chưa đạt năm 2024 để xây dựng giải pháp thực hiện đạt trong năm 2024; bố trí kinh phí đảm bảo cho công tác CCHC tại địa phương.

3. Văn phòng - Thống kê

- Tham mưu UBND xã tăng cường công tác tuyên truyền CCHC; thường xuyên tự kiểm tra đối với hoạt động CCHC tại địa phương, đặc biệt chú trọng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã.
- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; duy trì việc giải quyết hồ sơ sớm hơn, đúng thời gian quy định, tránh trường hợp để hồ sơ quá hạn; thường xuyên khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, nâng cao chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa của xã.
- Tham mưu UBND xã triển khai thực hiện hiện đại hóa hành chính, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước, thực hiện chính quyền điện tử, chuyển đổi số theo Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 19/7/2021 của UBND huyện Định Hóa về thực hiện chương trình chuyển đổi số huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; đẩy mạnh giải quyết số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC.
- Thường xuyên đôn đốc cán bộ, công chức xã thực hiện nhiệm vụ CCHC đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

- Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC với việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối năm của cán bộ, công chức.

- Tham mưu thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

4. Tư pháp - Hộ tịch

- Chủ trì, phối hợp các bộ phận liên quan, tham mưu đề xuất với UBND xã thực hiện nội dung cải cách thể chế, thẩm định các văn bản QPPL của HĐND và UBND xã.

- Tổ chức các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật, hòa giải cơ sở; chú trọng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, công khai các văn bản QPPL tại địa phương.

5. Văn hóa - Xã hội

- Rà soát các nội dung, tiêu chí còn thấp điểm thuộc lĩnh vực theo dõi, quản lý, tham mưu UBND xã các giải pháp cải thiện, nâng cao chỉ số CCHC.

- Phối hợp bộ phận CCHC đẩy mạnh công tác tuyên truyền CCHC bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

6. Tài chính - Kế toán

- Tham mưu, triển khai thực hiện nội dung cải cách tài chính công, tăng cường kiểm soát việc chi ngân sách trên địa bàn.

- Công khai minh bạch nguồn thu, chi tài chính; các loại quỹ của nhân dân đóng góp.

Trên đây là báo cáo phân tích, đánh giá kết quả công bố Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng năm 2024 của UBND xã Kim Phụng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT ĐU, HĐND, UBND xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trương Anh Tú

CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CCHC CỦA UBND CẤP XÃ NĂM 2024 CỦA XÃ KIM PHƯỢNG

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 17/3/2025 của UBND xã Kim Phượng)

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Nội dung giải trình	Thẩm định	Ý kiến hội đồng thẩm định	CTH Đ thẩm định	Ý kiến chủ tịch HDT Đ	Chỉ số
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	10	6		1		8,5		85%
1,1	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC	1,5	1,5				1,5		100%
1,2	Báo cáo CCHC	0,5	0,5	Báo cáo CCHC định kỳ đầy đủ, đúng quy định về nội dung, số lượng, thời gian báo cáo, các phụ lục theo hướng dẫn			0,5		100%
1.3.	Kiểm tra CCHC	0,5	0,5	Có Kế hoạch kiểm tra CCHC và tổ chức kiểm tra theo Kế hoạch, nội dung đề ra			0,5		100%
1.4.	HĐND cấp xã giám sát thực hiện CCHC	1,5	1,5				1,5		100%
1.5.	Tuyên truyền CCHC	1,5	1		1		1		66.67 %

1.5.1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền	0,5	0,5		0,5		0,5		100%
1.5.2	Tổ chức hoặc tham gia cuộc thi tìm hiểu, tọa đàm, hội thảo, tập huấn về CCHC do cấp trên tổ chức	0,5	0,5		0,5		0,5		100%
1.5.3	Các tin, bài viết về CCHC được đăng tải trên các phương tiện thông tin, truyền thông	0,5			0		0		
1.6.	Sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC	1							
1.6.1	Sáng kiến, giải pháp CCHC cấp tỉnh	0,5							
1.6.2	Sáng kiến, giải pháp CCHC cấp cơ sở	0,5							
1.7.	Vai trò lãnh đạo của cấp ủy đối với khai thực hiện CCHC	1,5		Cấp ủy có Nghị quyết chuyên đề về lãnh đạo thực hiện công tác CCHC			1,5		100%
1.8.	Người đứng đầu chính quyền trực tiếp phụ trách CCHC	0,5	0,5	Phân công Chủ tịch UBND cấp xã phụ trách công tác CCHC			0,5		100%
1.9.	Các hoạt động nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của địa phương	1,5	0,5				1,5		100%

1.9.1	Báo cáo phân tích, đánh giá hạn chế, tồn tại Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của địa phương	0,5	0,5	Có báo cáo phân tích tồn tại, hạn chế, tiêu chí mất điểm và đưa ra giải pháp khắc phục hạn chế			0,5		100%
1.9.2	Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC của địa phương	1		Xã xây dựng Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC			1		100%
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC THI PHÁP LUẬT	7	2,5		4,5		4,5		64.29 %
2.1.	Ban hành văn bản của HĐND và UBND cấp xã	0,5			0,5	Nhất trí với TLKC	0,5		100%
2,2	Rà soát và xử lý văn bản sau rà soát	1,5	1		1		1		66.67 %
2.2.1	Kế hoạch rà soát văn bản QPPL và tổ chức rà soát	0,5	0,5	Xã ban hành Kế hoạch rà soát văn bản QPPL theo quy định	0,5	Nhất trí với TLKC	0,5		100%
2.2.2	Thực hiện rà soát văn bản QPPL	0,5			0,5	Nhất trí với TLKC	0,5		100%
2.2.3	Xử lý văn bản sau khi có kiến nghị của cơ quan chuyên môn	0,5	0,5	Không có văn bản được kiến nghị xử lý	0	TLKC không đúng yêu cầu	0		
2,3	Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	2	0,5		2		2		100%

2.3.1	Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5			0,5	Nhất trí với TLKC	0,5		100%
2.3.2	Công khai các văn bản theo quy định	0,5	0,5	null Xã công khai các văn bản theo quy định trên Trang và tại bộ phận một cửa	0,5	Nhất trí với TLKC	0,5		100%
2.3.3	Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức trong cơ quan	0,5		null Xã tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức trong cơ quan	0,5	Nhất trí với TLKC	0,5		100%
2.3.4	Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn theo quy định	0,5		null Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn theo quy định	0,5	Nhất trí với TLKC	0,5		100%
2,4	Thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật	1			0		0		
2.4.1	Kế hoạch và thực hiện các hoạt động theo dõi, thi hành pháp luật	0,5		Xã ban hành kế hoạch và thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật theo quy định	0	TLKC chưa đầy đủ, thiếu Kế hoạch TDTHP L trọng tâm, liên ngành	0		

2.4.2	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5		Xã thực hiện đúng thời gian, nội dung quy định	0	TLKC không đúng yêu cầu	0		
2,5	Cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	1		Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	0	TLKC không đúng yêu cầu	0		
2,6	Thực hiện công tác hòa giải ở địa phương	1	1	Thực hiện tốt công tác hòa giải, tỷ lệ hòa giải thành công từ 80% trở lên	1		1		100%
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	20	18,5		18,5		18,5		92.5%
3,1	Công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)	3,5	3,5		3		3		85.71 %
3.1.1	Kế hoạch kiểm soát TTHC và triển khai thực hiện	0,5	0,5	Xã ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC và hoàn thành 100% kế hoạch	0,5	Nhất trí	0,5		100%
3.1.2	Thực hiện rà soát TTHC	1,5	1,5	Xã kiến nghị với cơ quan thẩm quyền cắt giảm, đơn giản đạt bình quân mỗi năm từ 4% trở lên số quy định TTHC và từ 4% trở lên chi phí tuân thủ TTHC theo quy định	1,5	Nhất trí	1,5		100%
3.1.3	Công bố TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc thẩm quyền của địa phương	0,5	0,5	Xã công bố TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc thẩm quyền	0,5	Nhất trí	0,5		100%

3.1.4	Rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc thẩm quyền của địa phương	0,5	0,5	Xã đề nghị cắt giảm từ 20% trở lên số TTHC, từ 20% trở lên chi phí tuân thủ TTHC theo quy định	0	Tài liệu không phù hợp	0		
3.1.5	Báo cáo hoạt động kiểm soát TTHC	0,5	0,5	Xã thực hiện đầy đủ nội dung, số lượng, báo cáo đúng thời gian quy định	0,5	Nhất trí	0,5		100%
3,2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	14,5	13		13,5		13,5		93.1%
3.2.1	Bố trí phòng làm việc Bộ phận một cửa đáp ứng yêu cầu	1		Mục 321 tại Báo cáo 219. Xa bo tri day du ban ghe de giai quyet cong viec.pdfBộ phận một cửa xã đáp ứng yêu cầu, thuận tiện, dễ...	1	Nhất trí	1		100%
3.2.2	Trang, thiết bị Bộ phận một cửa đáp ứng yêu cầu	1	1	MỤC 3.2.2 BÁO CÁO SỐ 219. Có ảnh minh chứng kèm theo	1	Nhất trí	1		100%
3.2.3	Hệ thống camera giám sát kết nối với cơ quan cấp trên	1	1	Mục 323 Báo cáo 219. Có ảnh minh chứng kèm theo	1	Nhất trí	1		100%
3.2.4	Công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa	1	1	Mục 324 báo cáo 219. Có ảnh minh chứng kèm theo	1	Nhất trí	1		100%

3.2.5	Đăng tải TTHC trên Trang thông tin điện tử của địa phương	1	1	100% số TTHC thuộc thẩm quyền được đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của địa phương đúng quy định. mục 325 Báo cáo 219, có ảnh và link minh chứng kèm theo https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-category.html?tin_ho=1&tu_khoa=&co_quan_cong_bo=370865&cap_thuc_hien=3&linh_vuc=-1&loai_tthc=-1&doi_tuong_thuc_hien=-1	1	Nhất trí	1		100%
3.2.6	Hướng dẫn công dân thực hiện TTHC bằng phiếu	0,5	0,5	xã hướng dẫn công dân thực hiện TTHC bằng phiếu	0,5	Nhất trí	0,5		100%
3.2.7	Xây dựng và niêm yết bộ hồ sơ mẫu tại Bộ phận một cửa	0,5		Xã xây dựng và niêm yết bộ hồ sơ mẫu tại Bộ phận một cửa	0,5	Nhất trí	0,5		100%
3.2.8	Xây dựng và đăng tải Video hướng dẫn thực hiện TTHC trên Trang thông tin điện tử hoặc công khai tại Bộ phận một cửa	0,5	0,5	nullMục 328 Báo cáo 218	0,5	Nhất trí	0,5		100%
3.2.9	Phân công lãnh đạo “trực tại bộ phận một cửa” để ký văn bản, giấy tờ phục vụ cá nhân, tổ chức	0,5	0,5	MỤC 329 BÁO CÁO 219	0	Chưa có phân công lịch trực của lãnh đạo	0		

3.2.10	TTHC lĩnh vực công an tại thực hiện tại Bộ phận một cửa UBND cấp xã	1	1	các TTHC thuộc lĩnh vực Công an được tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã theo quy định của UBND tỉnh	1	Nhất trí	1		100%
3.2.11	TTHC lĩnh vực quân sự thực hiện tại Bộ phận một cửa UBND cấp xã	1	1	các TTHC thuộc lĩnh vực Quân sự được tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã theo quy định mục 3211 Báo cáo 219	1	Nhất trí	1		100%
3.2.12	Thực hiện liên thông lĩnh vực đất đai	1	1	Mục 3212 Báo cáo 219 xã Thực hiện liên thông lĩnh vực đất đai	1	Nhất trí	1		100%
3.2.13	Thực hiện liên thông với cấp huyện, các cơ quan liên quan TTHC về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	1	1	null null Mục 3213 Báo cáo 219 Thực hiện liên thông với cấp huyện, các cơ quan liên quan TTHC về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi theo quy định. Có phiếu LT kèm theo	1	Nhất trí	1		100%
3.2.14	Liên thông TTHC đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất, hỗ trợ mai táng phí	1	1	null Mục 3.2.14 Báo cáo 219 xã Liên thông TTHC đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất, hỗ trợ mai táng phí	1	Nhất trí	1		100%

3.2.15	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn, sớm hạn tại UBND cấp xã	1	1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC của xã trả kết quả sớm hạn, đúng hạn đạt từ 99,5% trở lên	1	Nhất trí	1		100%
3.2.16	Tiếp nhận và giải quyết phản ánh kiến nghị liên quan đến giải quyết TTHC	0,5	0,5	Xã công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng pháp luật những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức của công dân theo quy định Mục 2116 báo cáo 219	0,5	Nhất trí	0,5		100%
3.2.17	Xin lỗi công dân bằng văn bản khi có hồ sơ trả chậm	0,5	0,5	TRONG NĂM XÃ KHÔNG CÓ HỒ SƠ QUÁ HẠN Mục 3217 Báo cáo 219	0,5	Nhất trí	0,5		100%
3.2.18	Đánh giá kết quả giải quyết TTHC	0,5	0,5	null Mục 3218 Báo cáo 219	0	Minh chứng chưa phù hợp. Đề nghị đánh giá trên các tiêu chí theo QĐ 766	0		
3,3	Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2	2		2		2		100%
3.3.1	Cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	0,5	0,5	MỤC 331 BÁO CAO 219	0,5	Nhất trí	0,5		100%

3.3.2	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	1,5	1,5	null MỤC 332 BÁO CÁO 219, BC SỐ HÓA	1,5	Nhất trí	1,5		100%
4	HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ	20	20		19		19		95%
4,1	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐND cấp xã	3	3		2		2		66.67 %
4.1.1	Ban hành Quy chế hoạt động, nội quy các kỳ họp của HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026	0,5	0,5	Ban hành Quy chế hoạt động, nội quy các kỳ họp của HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026	0,5		0,5		100%
4.1.2	HĐND cấp xã xây dựng kế hoạch giám sát	1	1	Có xây dựng kế hoạch giám sát và tổ chức thực hiện	0	Đề nghị không đính tài liệu minh chứng là các file nén, HĐ thăm định không mở xem được tài liệu minh chứng	0		

4.1.3	HĐND cấp xã kiến nghị cơ quan chức năng xử lý, giải quyết các vấn đề qua giám sát	1	1	HĐND cấp xã kiến nghị cơ quan chức năng xử lý, giải quyết các vấn đề qua giám sát	1		1		100%
4.1.4	Đại biểu HĐND cấp xã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, tiếp xúc cử tri theo quy định	0,5	0,5	Đại biểu HĐND cấp xã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, tham gia sinh hoạt, tiếp xúc cử tri theo quy định; phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri đến cơ quan chức năng	0,5		0,5		100%
4,2	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp xã	10	10		10		10		100%
4.2.1	Quy chế hoạt động của UBND cấp xã	0,5	0,5	Quy chế hoạt động của UBND cấp xã	0,5		0,5		100%
4.2.2	Phiên họp của UBND cấp xã	0,5	0,5	UBND cấp xã tổ chức họp đúng quy định	0,5		0,5		100%
4.2.3	Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân xã quyết định các nội dung quy định	0,5	0,5		0,5		0,5		100%

4.2.4	Tổ chức hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với người dân và tiếp thu, giải trình ý kiến, kiến nghị của người dân	2	2	Xã tổ chức 2 hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với người dân và tiếp thu, giải trình ý kiến, kiến nghị của người dân	2		2		100%
4.2.5	Phòng tiếp công dân của UBND cấp xã	1,5	1,5	Xã bố trí nơi tiếp công dân đảm bảo trang nghiêm, lịch sự, đúng quy định	1,5		1,5		100%
4.2.6	Ghi sổ, lập hồ sơ tiếp công dân thường xuyên, định kỳ theo quy định	1,5	1,5	Ghi sổ, lập hồ sơ tiếp công dân thường xuyên, định kỳ theo quy định	1,5		1,5		100%
4.2.7	Lịch tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp xã	1,5	1,5	Lịch tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp xã trên 48 ngày/năm	1,5		1,5		100%
4.2.8	Lịch tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân của Bí thư Đảng ủy cấp xã	1,5	1,5	null Bí thư Đảng ủy cấp xã tiếp công dân nhiều hơn 24 ngày/năm	1,5		1,5		100%
4.2.9	Sắp xếp, sáp nhập xóm, tổ dân phố	0,5	0,5	Đã thực hiện sắp xếp xóm theo quy định	0,5		0,5		100%
4,3	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	7	7		7		7		100%
4.3.1	Thực hiện công khai những nội dung để Nhân dân biết	1	1	null Xã công khai đầy đủ các nội dung, các hình thức theo quy định tại Điều 11, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022	1	Lưu ý: Không đính tài liệu minh chứng bằng file nén	1		100%

4.3.2	Thực hiện để Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp một số nội dung	1	1	null Xã thực hiện đủ 6 nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương, mức đóng góp xây dựng cơ sở	1		1		100%
4.3.3	Các hình thức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp	1	1	Thực hiện bằng 02 trong 3 hình thức sau: Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình;	1		1		100%
4.3.4	Các nội dung để Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định	1	1	Xã triển khai các nội dung để Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định	1		1		100%
4.3.5	Hình thức để Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định	1	1		1		1		100%
4.3.6	Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân	1	1	Ban Thanh tra nhân dân xây dựng Kế hoạch và thực hiện giám sát; kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết vấn đề phát hiện qua giám sát	1		1		100%
4.3.7	Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	1	1	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng Kế hoạch và thực hiện giám sát; kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết vấn đề phát hiện qua giám sát null	1		1		100%
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	10	8,5		8		8		80%

5.1.	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,5	0,5	100% cán bộ đạt chuẩn	0	Qua theo dõi của cơ quan chuyên môn, đơn vị còn 01 cán bộ có trình độ chuyên môn Cao đẳng	0		
5.2.	Chất lượng cán bộ cấp xã	1,5	0	100% cán bộ cấp xã tại địa phương có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên	0		0		
5.3.	Chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã	1,5	1,5	100% cán bộ chủ chốt cấp xã (Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND) có trình độ chuyên môn Đại học trở lên	1,5		1,5		100%
5.4.	Chất lượng của công chức cấp xã	1	1	100% công chức có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên	1		1		100%

5.5.	Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp xã	1,5	1,5	Mục 3 BC CCHC xã Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp xã null	1,5		1,5		100%
5.6.	Đánh giá cán bộ, công chức trên cơ sở kết quả công việc	0,5	0,5	Đánh giá cán bộ, công chức trên cơ sở kết quả công việc	0,5		0,5		100%
5.7.	Cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	1,5	1,5	Mục 3. Cải cách tổ chức bộ máy BC CCHC. 100% Cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	1,5		1,5		100%
5,8	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính	2	2	Trong năm không có cán bộ, công chức bị kỷ luật Mục 3. Cải cách tổ chức bộ máy BC CCHC	2		2		100%
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	5	5		0		0		
6.1.	Ban hành Quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý	1	1	quy chế chi tiêu nội bộ	0	Tài liệu kiểm chứng không phù hợp	0		
6.2.	Thực hiện công khai, kê khai tài sản công	1	1	kê khai, công khai ts công và bc theo quy định	0	Tài liệu kiểm chứng không đủ (Biểu mẫu	0		

						công khai 09a; 09b; 09c)			
6.3.	Thực hiện đúng quy định về định mức sử dụng trang thiết bị, tài sản công	1,5	1,5	bc định mức ts công	0	Không đủ căn cứ để xác định được định mức sử dụng tài sản (bảng lượng của xã)	0		
6,4	Thực hiện công tác quản lý tài chính - ngân sách nhà nước	1,5	1,5		0	Trong báo cáo đơn vị chưa khẳng định được trong năm không có sai phạm trong công tác	0		

						quản lý tài chính- ngân sách nhà nước			
7	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	12	12		11,5		11,5		95.83 %
7.1.	Lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy về chuyển đổi số	1	1	Cấp ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo thực hiện công tác chuyển đổi số	1		1		100%
7.2.	Thành lập bộ phận về chuyển đổi số	0,5	0,5	Thành lập bộ phận về chuyển đổi số	0,5		0,5		100%
7.3.	Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số, chính quyền số	0,5	0,5	Xã tổ chức hoặc tham gia hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, chính quyền số, xây dựng chuyên mục về chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử	0,5		0,5		100%
7.4.	Gắn phong trào thi đua , khen thưởng với công tác chuyển đổi số	0,5	0,5	Xã gắn phong trào thi đua , khen thưởng với công tác chuyển đổi số	0,5		0,5		100%
7,5	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số	0,5	0,5	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn hằng năm theo quy định	0,5		0,5		100%

7,6	Nhiệm vụ chuyển đổi số được phê duyệt	1	1	Trong năm xã được phê duyệt nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số, ứng dụng CNTT theo quy định	1		1		100%
7,7	Bố trí công chức chuyên môn phụ trách chuyển đổi số	0,5	0,5	Bố trí công chức phụ trách chuyển đổi số có chuyên môn từ Đại học trở lên và được bồi dưỡng về công nghệ thông tin	0,5		0,5		100%
7,8	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về chuyển đổi số tại địa phương	0,5	0,5	Xã có Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số hoặc cử công chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng	0,5		0,5		100%
7,9	Bố trí máy tính phục vụ công việc	0,5	0,5	100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính, đáp ứng yêu cầu công việc. MỤC 4. HẠ TẦNG SỐ BC 188,	0,5		0,5		100%
7,1	Trao đổi văn bản điện tử	1	1	100% văn bản được (trừ văn mật) được gửi trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hỗ trợ điều hành. MỤC 1. Kết quả đạt được BC 188	1		1		100%
7,11	Tạo, lập hồ sơ công việc điện tử	1	1	100% cán bộ, công chức tạo, lập hồ sơ công việc điện tử theo hướng dẫn và xử lý trên môi trường mạng MỤC 1. Kết quả đạt được BC 188	1		1		100%

7,12	Lập lịch công tác của lãnh đạo trên phần mềm QLV&HTĐH	0,5	0,5	100% lịch công tác của lãnh đạo UBND được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên phần mềm. MỤC 1 BC 188	0,5		0,5		100%
7,13	Sử dụng chữ ký số	1,5	1,5	100% văn bản điện tử đi được ký số trực tiếp trên phần mềm và được gửi liên thông trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành. MỤC 1. Kết quả đạt được BC 188	1,5		1,5		100%
7,14	Trang thông tin điện tử	1	1	Trang TTĐT xã cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin theo quy định. Mục 1 Kết quả đạt được BC 188	1		1		100%
7,15	Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	0,5	0,5	Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên 80%	0	Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình dưới 80%	0		

7,16	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1	1	Trong năm xã có 1827/1827 hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình. Mục 1. Kết quả đạt được BC 188	1		1		100%
8	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở ĐỊA PHƯƠNG	16	11,5		14		14		87.5%
8.1.	Về phát triển kinh tế - xã hội	3	3		1,5		1,5		50%
8.1.1.	Thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được giao	1,5	1,5	Hoàn thành 100% các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được giao	0	Tài liệu kiểm chứng chưa đủ (Thiếu Nghị quyết HĐND, kế hoạch phát triển KT-XH....)	0		
8.1.2.	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của địa phương theo Kế hoạch được giao	1,5	1,5	Thu ngân sách của địa phương trong năm vượt chỉ tiêu được giao trên 3% Thu trong cân đối: 457.467.935 đồng /372.740.000 đồng = 122,73%, vượt 22,73% so với kế hoạch giao	1,5		1,5		100%
8.2.	Về quốc phòng và an ninh	3	3		3		3		100%

8.2.1.	Thực hiện tuyển sinh quân sự, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ	1	1	nullXã thực hiện tuyển sinh QS theo quy định	1		1		100%
8.2.2.	Kế hoạch diễn tập, huấn luyện dân quân; đăng ký, quản lý huy động quân nhân dự bị động viên	1	1	Xã đã Hoàn thành 100% các kế hoạch (văn bản mật theo cv 1460/BCH-TM không đưa lên)	1		1		100%
8.2.3.	Thôn, tổ dân phố được công nhận đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" theo quy định	1	1	Trên 80 % xóm đạt chuẩn ANTT	1		1		100%
8.3.	Về kết cấu hạ tầng	5	4		5		5		100%
8.3.1.	Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới (đối với UBND xã) và quản lý các hoạt động xây dựng (đối với UBND phường, thị trấn)	1	1	Trong năm được công nhận hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới	1		1		100%
8.3.2.	Hệ thống đường giao thông	1,5	1,5		1,5		1,5		100%
8.3.2.1.	Đường liên thôn (tổ dân phố)	0,5	0,5	100% đường liên thôn (tổ dân phố) được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện	0,5		0,5		100%
8.3.2.2.	Đường trục thôn, đường ngõ	0,5	0,5	100% đường trục thôn, đường đường ngõ được bê tông hóa, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện	0,5		0,5		100%

8.3.2.3.	Hệ thống chiếu sáng đường giao thông	0,5	0,5	100% đường liên thôn (tổ dân phố) được chiếu sáng đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện	0,5		0,5		100%
8.3.3.	Tỷ lệ người dân dùng nước sạch theo quy định	1	1	Trên 90% người dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế	1		1		100%
8.3.4.	Hệ thống thông tin, liên lạc	1		Xã có điểm phục vụ dịch vụ bưu chính, chuyển phát, các dịch vụ viễn thông, Internet và 100% hộ gia đình được sử dụng các dịch vụ nói trên	1		1		100%
8.3.5.	Hệ thống điện lưới quốc gia	0,5	0,5	100% hộ sử dụng điện lưới quốc gia	0,5		0,5		100%
8.4.	Về giáo dục, y tế và văn hóa - xã hội	4	1,5		3,5		3,5		87.5%
8.4.1.	Cơ sở vật chất trường học và thu các khoản đóng góp tự nguyện trong trường học.	1,5			1,5		1,5		100%
8.4.1.1.	Cơ sở vật chất trường học	0,5		Cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn đạt chuẩn theo quy định	0,5		0,5		100%
8.4.1.2.	Huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường	0,5		100% trẻ trong độ tuổi được đến trường	0,5		0,5		100%
8.4.1.3.	Thực hiện các khoản thu trong trường học	0,5		Thu các khoản đóng góp đúng quy định	0,5		0,5		100%

8.4.2.	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	0,5	0,5	Xã đạt tỷ lệ UBND cấp huyện giao trong năm	0,5		0,5		100%
8.4.3.	Khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân	1,5	1		1		1		66.67 %
8.4.3.1.	Cơ sở vật chất trạm y tế	0,5	0,5	Trạm y tế đạt chuẩn theo quy định	0,5		0,5		100%
8.4.3.2.	Chăm sóc sức khỏe cho nhân dân	0,5		Thực hiện tốt công tác y tế cộng đồng đối với người dân	0		0		
8.4.3.3.	Tiêm phòng cho trẻ em	0,5	0,5	100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm phòng	0,5		0,5		100%
8.4.4.	Thực hiện chế độ, chính sách người có công với Cách mạng, chính sách trợ giúp xã hội	0,5		Thực hiện đúng, đầy đủ quy định về chính sách đối với gia đình chính sách, người có công, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Xã không để xảy ra vi phạm, khiếu kiện	0,5		0,5		100%
8.5.	Về quản lý tài nguyên, môi trường	1			1		1		100%
8.5.1.	Bố trí các điểm tập kết rác thải sinh hoạt; sắp xếp các điểm chợ, điểm giết mổ gia súc, gia cầm (nếu có) hợp vệ sinh, đúng quy định.	0,5		Thực hiện tốt vệ sinh môi trường trên địa bàn, không có phản ánh, kiến nghị về tình trạng rác thải, giết mổ gia súc, gia cầm không đúng quy định	0,5		0,5		100%
8.5.2.	Quản lý sử dụng đất và công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn (nếu có)	0,5		Quản lý sử dụng đất và thực hiện hoặc phối hợp thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng	0,5		0,5		100%
Tổng điểm		100	84		76,5		84		84%